

Bản án số: 48/2019/DS-PT

Ngày 08-4-2019

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Văn Toàn

Các thẩm phán:

Ông Trần Anh Tuấn

Bà Lê Thị Thanh Huyền

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Đình Nam là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk: Ông Phan Văn Hoàn – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 08/4/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 155/2018/TLPT-DS ngày 10 tháng 12 năm 2018 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 26/2018/DS-ST ngày 11 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện M’Đrăk, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 40/2019/QĐPT-DS ngày 12 tháng 02 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa ngày 12/3/2019; Thông báo chuyển thời gian mở lại phiên tòa dân sự phúc thẩm ngày 14/3/2019 và ngày 25/3/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1973

Địa chỉ: Thôn A, xã C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

2. Bị đơn: Bà Hoàng Thị L, sinh năm 1963

Địa chỉ: Thôn B, xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

3. Người làm chứng:

+ Bà Nguyễn Thị Q

Địa chỉ: Thôn B, xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

+ Bà Nguyễn Thị Thanh T

Địa chỉ: Thôn B, xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

4. Người kháng cáo: Bị đơn là bà Hoàng Thị L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01/8/2018, quá giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị A trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết nên bà có cho bà Hoàng Thị L vay 02 lần tiền cụ thể: Ngày 05/01/2017 vay 100.000.000 đồng; ngày 06/01/2017 vay 20.000.000 đồng. Mục đích vay để bà L trả nợ ngân hàng, lãi suất thỏa thuận miệng là 2.000 đồng/triệu/ngày và hạn đến ngày 15/01/2018 trả cả gốc và lãi. Đến hạn trả nợ mặc dù bà đã đòi nhiều lần nhưng bà L không trả được khoản tiền gốc và lãi nào cho bà.

Đến ngày 25/5/2017, hai bên thống nhất và chốt số nợ là 144.000.000 đồng và viết lại giấy vay tiền với nội dung bà L cùng với chị Nguyễn Thị Thanh T (con gái bà L) có vay của bà A số tiền 144.000.000 đồng và hạn đến ngày 25/7/2017 bà L, chị Trà trả cho bà A số tiền trên.

Nay bà khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết buộc bà Hoàng Thị L phải trả cho bà số tiền vay là 144.000.000 đ và tiền lãi tính từ ngày 25/7/2018 đến nay.

Bị đơn bà Hoàng Thị L trình bày:

Vào ngày 05/01/2017 và ngày 06/01/2017, bà có vay của bà A 02 lần với số tiền 120.000.000 đồng khi vay hai bên có thỏa thuận miệng lãi suất là 6.000 đồng/triệu/ngày, hạn đến ngày 15/01/2017 bà trả số tiền gốc, tiền lãi trên cho bà A, nhưng đến hạn trả nợ, bà không trả được khoản tiền vay gốc nào cho bà A mà chỉ trả tiền lãi cụ thể:

- Ngày 05/01/2017, sau khi vay 100.000.000 đồng, bà L trả cho bà A 6.000.000 đồng tiền lãi, việc trả lãi không ghi giấy giao nhận tiền.

- Ngày 26/12/2016 âm lịch bà L trả cho bà A 14.400.000 đồng tiền lãi, có ghi vào sổ của bà L.

- Ngày 16/01/2017 âm lịch, trả cho bà A 7.200.000 đồng tiền lãi, có ghi vào sổ của bà L.

- Ngày 26/01/2017 âm lịch, trả cho bà A 7.200.000 đồng tiền lãi, có ghi vào sổ bà L nhưng không ghi ngày tháng.

- Ngày 06/02/2017 âm lịch, trả cho bà A 20.000.000 đồng tiền lãi, có ghi vào sổ bà L nhưng không ghi cụ thể ngày tháng.

- Ngày 13/3/2017 âm lịch, trả cho bà A 1.600.000 đồng, có ghi vào sổ là lấy tổng 60 ngày (tức là từ ngày 05/01/2017 đến ngày 13/3/2017 âm lịch) chứ không ghi cụ thể số tiền.

- Ngày 24/3/2017 âm lịch, bà A đòi tiền lãi nhưng bà L không có trả nên bà A đến nhà bà Nguyễn Thị Q, trú tại: Thôn B, xã E, huyện M vay 30.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận bà L có trách nhiệm trả cho bà Q số tiền trên. Sau đó bà L đã trả cho bà Q số tiền 30.000.000 đồng trên.

- Ngày 26/3/2017 âm lịch, bà A đòi tiền lãi nhưng bà không có trả nên bà A đến nhà bà Q vay 30.000.000 đồng và bảo bà trả cho bà Q số tiền này. Bà đã trả

cho bà Q số tiền trên nhưng không ghi giấy giao nhận tiền. Vậy thông qua bà Q bà đã trả cho bà A được số tiền 60.000.000 đồng.

- Ngày 25/5/2017, bà tiếp tục trả cho bà A 5.000.000 đồng tiền lãi nhưng không ghi giấy giao nhận tiền.

Đến ngày 25/5/2017, do bà L không trả được cho bà A khoản tiền gốc nào nên bà A và bà L thoả thuận viết lại giấy vay tiền hạn đến ngày 25/7/2017 bà L sẽ trả cho bà A số tiền là 144.000.000 đồng. Trong đó có 120.000.000 đồng tiền nợ gốc và 24.000.000 đồng là số tiền lãi.

Khi viết giấy vay tiền, bà A có yêu cầu bà và chị Nguyễn Thị Thanh T (con gái bà) ký nhận giấy vay và chịu trách nhiệm cùng với bà trả khoản nợ trên cho bà A.

Theo bà tính thì từ ngày 05/01/2017 đến ngày 25/5/2017 bà phải trả cho bà A số tiền lãi theo như thoả thuận là 140 ngày x 720.000 đồng/ngày = 100.800.000 đồng nhưng trên thực tế bà đã trả cho bà A tổng cộng là 121.900.000 đồng tiền lãi, nhưng nay bà A không thừa nhận. Bà đã cung cấp tài liệu, chứng cứ và yêu cầu Tòa án xem xét khoản tiền này nhưng không được giải quyết.

Nay bà A yêu cầu yêu cầu bà phải trả cho bà A số tiền vay là 144.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 25/7/2018 đến ngày xét xử. Bà không đồng ý, vì bà chỉ vay bà A 120.000.000 đồng nhưng sau đó bà đã trả cho bà A tổng cộng số tiền là 121.900.000 đồng, còn lại tiền lãi suất theo quy định bao nhiêu thì bà tiếp tục trả cho bà A.

Người làm chứng chị Nguyễn Thị Thanh T trình bày: Chị T thừa nhận số nợ bà A khởi kiện bà L (mẹ chị T) là số tiền hai bên vay từ tháng 01/2017, nhưng do bà L chưa trả được, nên ngày 25/5/2017 bà A có viết giấy vay nợ số tiền bà L (mẹ chị còn nợ) và yêu cầu chị ký nhận nợ cùng với bà L trong giấy vay. Việc ký vào giấy nhận nợ trên chị hoàn toàn tự nguyện và đúng sự thật. Đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo pháp luật.

Tại Bản án sơ thẩm số: 26/2018/DS-ST ngày 11 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện M'Đrăk, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 70, khoản 2 Điều 71, Điều 147, Điều 220, Điều 244, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 280, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị A:

Buộc bà Hoàng Thị L phải trả cho bà Nguyễn Thị A số tiền 148.383.000 đồng, bao gồm 120.000.000 đồng tiền nợ gốc và tiền lãi tính từ ngày 07/01/2017 đến ngày xét xử 11/10/2018 là 28.383.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Bà Hoàng Thị L phải chịu 7.419.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho bà Nguyễn Thị A số tiền 4.093.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0006095 ngày 01/8/2018 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện M'Đrắk.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 24/10/2018, bị đơn bà Hoàng Thị L kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: Đề nghị Tòa án xem xét lại toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm, tính toán lại số tiền lãi mà bà L đã trả nợ cho bà A.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn bà Hoàng Thị L vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và yêu cầu Hội đồng xét xử xác minh làm rõ số tiền bà đã trả cho bà A; nguyên đơn bà Nguyễn Thị A giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét số nợ bà khởi kiện bà L theo giấy vay ngày 25/5/2017 và tiền lãi suất phát sinh từ đó đến nay. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về nội dung giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Các đương sự trong vụ án và Hội đồng xét xử phúc thẩm, Thẩm phán đã tuân thủ và thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, quá trình giải quyết vụ án cấp sơ thẩm đã có những vi phạm nghiêm trọng sau: Thứ nhất, Cấp sơ thẩm xác định sai tư cách các người tham gia tố tụng: Tại đơn khởi kiện ngày 01/8/2018 bà A khởi kiện bị đơn là bà Hoàng Thị L, bà Nguyễn Thị Thanh T nhưng Tòa án ra Thông báo thụ lý vụ án lại xác định tư cách của bà T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, tại phiên tòa sơ thẩm lại xác định bà T là người làm chứng là không đúng quy định tại khoản 3 Điều 68 BLDS 2015. Thứ hai, Cấp sơ thẩm giải quyết không đúng yêu cầu khởi kiện: Theo đơn khởi kiện bà A khởi kiện số tiền 163.800.000 đồng theo giấy vay ngày 25/5/2017, nhưng khi giải quyết cấp sơ thẩm không xem xét đánh giá tính pháp lý của chứng cứ đương sự cung cấp mà xem xét lại các khoản vay đã được các bên tính toán và chốt nợ, rồi xác định số tiền gốc bà L, T vay bà A là 120.000.000 đồng và vi phạm quyền quyết định việc khởi kiện của đương sự theo khoản 1 Điều 5 BLTTDS 2015. Thứ ba, Cấp sơ thẩm thu thập chứng cứ không đầy đủ: Tại bản khai ngày 06/8/2018 bà L trình bày: "Bà A nói bà vay tạm bên nhà cô Nguyễn Thị Q tại thôn B, E và buộc tôi phải trả cho

cô Q 30 triệu – cụ thể ngày 24/3/2017 tôi chuyển khoản cho bà Q vào công ty con cô Bình Định 15tr..”, nhưng cấp sơ thẩm không yêu cầu bà L giao nộp phiếu chuyển tiền hoặc yêu cầu bà L cung cấp số tài khoản đã chuyển tiền để làm rõ có hay không việc bà L chuyển tiền trả nợ thay cho bà A, là thu thập chứng cứ chưa đầy đủ, không đưa ông M (chồng bà Q) vào tham gia tố tụng là thiếu sót. Ngoài ra, bà A khởi kiện số tiền 163.800.000 đồng, cấp sơ thẩm chấp nhận buộc bà L trả cho bà A số tiền 148.383.000 đồng, nhưng không tuyên không chấp nhận số tiền còn lại là 15.417.000 đồng để buộc bà A phải chịu án phí là giải quyết chưa triệt để.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, chấp nhận một phần đơn kháng cáo của bà L, Hủy Toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 26/2018/DS-ST ngày 11/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện M’Đrắk. Giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện M’Đrắk giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu thu thập có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các bên đương sự, kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên. HĐXX nhận thấy:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn bà Hoàng Thị L trong hạn luật định và có nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, nên vụ án được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Ngày 01/8/2018 bà Nguyễn Thị A khởi kiện yêu cầu bà Hoàng Thị L, chị Nguyễn Thị Thanh T phải trả số tiền 163.800.000 đồng (Trong đó 144.000.000 đồng tiền gốc của giấy vay ngày 25/5/2017; 19.800.000 đồng tiền lãi từ ngày 07/01/2017 đến ngày 30/7/2018) và tiền lãi phát sinh từ ngày 30/7/2017 cho đến khi bà L trả hết nợ. Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều thống nhất và chốt nợ với số tiền 144.000.000 đồng trên được viết lại từ hai khoản vay ngày 05/01/2017 số tiền 100.000.000 đồng và khoản vay ngày 06/01/2017 số tiền 20.000.000 đồng, cộng với 24.000.000 đồng tiền lãi, nhưng cấp sơ thẩm giải quyết, xét xử không đúng yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.1] Bị đơn bà Hoàng Thị L cho rằng sau khi vay số tiền 120.000.000 đồng của bà A thì bà L đã trả cho bà A được 121.900.000 đồng tiền lãi làm nhiều lần, có lần ghi vào sổ của bà L, có lần không ghi. Phía nguyên đơn bà Nguyễn Thị A không thừa nhận những khoản tiền lãi bà L trả nhưng không ghi sổ, còn những khoản tiền lãi có ghi sổ bà A có nhận nhưng là tiền lãi của những khoản vay khác. Cấp sơ thẩm chưa điều tra thu thập tài liệu chứng cứ đối với yêu cầu này.

[2.2] Do có sự mâu thuẫn về số tiền lãi đã trả, phía bị đơn bà L cung cấp cho Tòa án những giấy tờ thể hiện số tiền lãi đã trả cho bà A (BI 21-23), phía nguyên đơn bà A cho rằng đó là số tiền lãi của những khoản vay khác. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm không tiến hành đối chất để làm rõ từng khoản tiền mà bà L cho rằng đã trả lãi cho bà A, không tiến hành thu thập, yêu cầu bà A cung cấp các tài liệu, chứng

cứ chứng minh việc bà A nhận tiền lãi của khoản vay khác là khoản vay nào, số tiền vay bao nhiêu? Không làm rõ các chứng cứ mà bị đơn bà L cung cấp có phải là số tiền trả lãi của khoản vay trên hay không nhưng cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết theo đơn khởi kiện của bà A mà giải quyết theo lời khai của bà A trong quá trình giải quyết và căn cứ vào đó để quyết định là không đúng yêu cầu khởi kiện, làm bất lợi cho các đương sự.

[3] Ngoài ra, tại đơn khởi kiện ngày 01/8/2018 nguyên đơn bà Nguyễn Thị A khởi kiện bị đơn là bà Hoàng Thị L, chị Nguyễn Thị Thanh T (Bl 01), nhưng khi thụ lý vụ án cấp sơ thẩm chỉ xác định bà Hoàng Thị L là bị đơn và đưa chị Nguyễn Thị Thanh T là người làm chứng là xác định không đúng tư cách đương sự trong vụ án vi phạm khoản 3 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Mặt khác, cấp sơ thẩm không tiến hành xác minh làm rõ số tiền 60.000.000 đồng mà bà A lấy từ bà Nguyễn Thị Q có phải là số tiền lãi bà L trả cho bà A để trừ đi khoản nợ trên không? Không đưa ông Hồ Văn M (chồng bà Nguyễn Thị Q) vào tham gia tố tụng để làm rõ số tiền 15.000.000 đồng (BL 24) mà bà L cho rằng số tiền này khi bà A đòi nhưng bà L chưa có tiền trả nên bà A đứng ra vay tiền của bà Q, bà L có trách nhiệm trả, sau đó bà L đã trả trả số tiền này cho bà Q bằng việc chuyển khoản trả tiền mua cám thay cho ông M (chồng bà Q), nhưng khi giải quyết vụ án cấp sơ thẩm không đưa ông M vào tham gia tố tụng là thiếu sót.

[4] Xét kháng cáo của bị đơn bà Hoàng Thị L về việc xem xét lại toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm, tính toán lại số tiền lãi mà bà L đã trả nợ cho bà A để khấu trừ vào tiền nợ là có căn cứ, cần chấp nhận.

[5] Xét thấy việc Tòa án cấp sơ thẩm điều tra, xác minh thu thập chứng cứ chưa đầy đủ, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng mà Tòa án cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Vì vậy, cần chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Hoàng Thị L - Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 26/2018/DS-ST ngày 11/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện M'Đrăk, tỉnh Đắk Lắk, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện M'Đrăk giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung.

[6] Về án phí:

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Được xem xét khi vụ án giải quyết lại.
- Về án phí dân sự phúc thẩm: Do hủy bản án sơ thẩm và kháng cáo được chấp nhận nên bà Hoàng Thị L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 148; khoản 3 Điều 308; Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

1. Chấp nhận đơn kháng cáo của bà Hoàng Thị L.

Tuyên xử: Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 26/2018/DS-ST ngày 11/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện M’Đrắk, tỉnh Đắk Lắk, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện M’Đrắk để giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí:

- **Về án phí dân sự sơ thẩm:** Được xem xét khi vụ án giải quyết lại.

- **Về án phí dân sự phúc thẩm:** Bà Hoàng Thị L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, hoàn trả cho bà L số tiền 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số AA/2017/0006115 ngày 24/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M’Đrắk, tỉnh Đắk Lắk.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện M’Đrắk;
- Chi cục THADS huyện M;
- Đương sự;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trịnh Văn Toàn